TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Phan V H, sinh năm 1960. Địa chỉ cư trú: ấp 3, xã TP2, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Bùi T T, sinh năm 1960. Địa chỉ cư trú: ấp 3, xã TP2, huyện HN, tỉnh ĐT . Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2022 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn ông Phan V H, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T cưới nhau vào năm 2017, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh ĐT. Hôn nhân do quen biết trước hơn 01 năm. Sau khi cưới ông và bà T cùng sinh sống bên gia đình ông. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc sau đó không hạnh phúc nữa, vì bà T thường xuyên bỏ nhà đi. Nguyên nhân bà T bỏ nhà đi lúc thì nói

ông ăn uống khó khăn, lúc thì nghi ngờ ông có tình cảm với người phụ nữ khác, không nhớ ngày tháng năm 2021 thì bà T báo chính quyền địa phương nói ông đem người phụ nữ khác về nhà sinh sống, đánh đập bà T nhưng không ai can ngăn, ông T cán bộ ấp có đến xác minh việc ông có đánh bà T không. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác, tổng cộng bà T bỏ nhà đi 17 lần, mỗi lần bỏ đi thì ông đi tìm bà T về, chỉ có lần này là lần cuối thì ông không đi tìm bà T về nữa, vì không rõ bà T ở đâu, nếu đi tìm về thì bà T cũng bỏ đi nữa. Ông và bà T không còn sống chung từ ngày 30/5/2021 cho đến nay, vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, ông yêu cầu được ly hôn với bà Bùi T T.

2. Về nuôi con chung: Ông và bà T chung sống không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Ông và bà T chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông và bà T chung sống không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn bà Bùi T T đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà T vẫn không có mặt và cũng không gởi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Phan V H được ly hôn với bà Bùi T T, về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phan V H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện HN yêu cầu giải quyết ly hôn giữa ông với bà Bùi T T. Hiện bà T đang cư trú tại: ấp 3, xã TP2, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53

Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Bùi T T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng bà T vắng mặt, không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa ông Phan V H và bà Bùi T T được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 87, ngày 27/9/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét, yêu cầu ly hôn của ông Phan V H là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống ông H cho rằng đã có mâu thuẫn với bà T là có thật. Hội đồng xét xử nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho ông H, bà T đoàn tụ nhưng ông H vẫn cương quyết ly hôn, vì không còn tình cảm với bà T nên không còn sống chung với nhau từ ngày 30/5/2021 cho đến nay, vợ chồng cũng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Đồng thời, bà T đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà T cũng không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với ông H. Điều này, cho thấy hôn nhân giữa ông H, bà T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc ông H yêu cầu ly hôn với bà T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Phan V H được ly hôn với bà Bùi T T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Phan V H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn ông Phan V H chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Ông H là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Phan V H. Cho ông Phan V H được ly hôn với bà Bùi T T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan V H được miễn án phí theo quy định.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/7/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung